

TP.HCM, ngày 03 tháng 08 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...
của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh Tế - Luật)

Tên chương trình: **KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH**

Ngôn ngữ giảng dạy: **chủ yếu giảng dạy bằng tiếng Anh; một số ít môn học giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc song ngữ**

Ngành đào tạo: **KINH TẾ QUỐC TẾ**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Thời lượng: **4 năm**

Mã ngành đào tạo: **7340120**

Khoa: **Kinh tế Đối ngoại**

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân Kinh tế quốc tế (KTQT) chất lượng cao (CLC) bằng tiếng Anh không chỉ có kiến thức vững vàng về những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế nói chung, sự hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế, mà còn được trang bị những kỹ năng cần thiết để có thể thích ứng, nhạy bén và tự tin nắm bắt các cơ hội nghề nghiệp trong môi trường quốc tế chuyên nghiệp. Bằng cách cung cấp những trải nghiệm học tập khác nhau trong và ngoài lớp học, chúng tôi khuyến khích sinh viên phát triển kỹ năng tư duy toàn cầu, cộng tác với sinh viên cung cấp một trải nghiệm học tập hiệu quả tại UEL sẽ trở thành nền tảng của học tập suốt đời và thành công suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

- *Kiến thức cơ bản:* sinh viên hiểu biết về các lĩnh vực khoa học, khoa học xã hội và nhân văn, có thể áp dụng kiến thức thành công trong nhiều lĩnh vực và các vị trí tuyển dụng.
- *Kiến thức chuyên sâu:* sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên ngành về Kinh tế Quốc tế sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động hoặc tiếp tục học ở bậc sau đại học.
- *Tính chuyên nghiệp:* trang bị cho sinh viên những kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm cung cấp khả năng thích nghi cao với những thách thức của thế kỉ 21.



- *Kỹ năng tiếng Anh*: trang bị kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên thông qua các hoạt động học tập, nghiên cứu, sinh hoạt ngoại khóa... nhằm đảm bảo sinh viên sẵn sàng làm việc trong môi trường toàn cầu.
- *Phẩm chất*: có đạo đức nghề nghiệp, thái độ đúng đắn, khả năng học tập và tự học suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra

Chương trình giáo dục Cử nhân Kinh tế quốc tế CLC bằng tiếng Anh được thiết kế dành cho sinh viên mong muốn làm việc trong môi trường kinh tế, kinh doanh toàn cầu thuộc nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức phi lợi nhuận, các công ty đầu tư, tập đoàn đa quốc gia, công ty có vốn đầu tư nước ngoài và một số tổ chức khác. Sau khi hoàn thành chương trình này, sinh viên có thể:

Bảng 1: Chuẩn đầu ra của Chương trình Cử nhân KDQT CLC bằng tiếng Anh

Tiêu chuẩn	Mức độ ¹	Chuẩn đầu ra
1		Kiến thức và lập luận ngành
1.1	(3)	Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế.
1.2	(4)	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành kinh tế quốc tế để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế trong bối cảnh đa dạng.
1.3	(4)	Áp dụng kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế quốc tế trong bối cảnh đa dạng.
2		Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
2.1	(3)	Thể hiện khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu, thông tin để giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh hiệu quả.
2.2	(4)	Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức.
2.3	(4)	Có khả năng tư duy phân biện và tư duy hệ thống trong nhiều bối cảnh kinh doanh khác nhau.
2.4	(4)	Có thái độ tư tưởng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời.
2.5	(3)	Có đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác đối với cộng đồng.
3		Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp
3.1	(3)	Có khả năng làm việc với người khác trong các bối cảnh kinh doanh và nghề nghiệp khác

¹ Bloom's Scale

		nhau.
3.2	(3)	Có khả năng giao tiếp trong các bối cảnh khác nhau.
3.3	(3)	Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ*.
4		Năng lực thực hành nghề nghiệp
4.1	(3)	Hiểu biết về bối cảnh bên ngoài, môi trường và xã hội
4.2	(4)	Phân tích bối cảnh doanh nghiệp và môi trường kinh tế quốc tế
4.3	(4)	Áp dụng kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

Nguồn: Khoa Kinh tế đối ngoại

***Quy định về trình độ ngoại ngữ:** Chương trình cử nhân KTQT chất lượng cao bằng tiếng Anh quy định sinh viên phải đạt điều kiện tiếng Anh đầu vào ở năm học thứ nhất tương đương IELTS 5.0, năm học thứ hai tương đương IELTS 5.5 và chuẩn đầu ra của chương trình tương đương IELTS 6.0.

3. Ma trận chuẩn đầu ra – môn học

Bảng 2: Ma trận chuẩn đầu ra – môn học của chương trình

	Môn học	Số TC	Kiến thức			Thái độ					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp		
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3
	Ngoại ngữ	16											IT U			
HK 1	Toán cao cấp	4	IT ₃ U									T ₁				
	Giáo dục thể chất 1	3														
	Môn tự chọn	2		IT ₃ U												
HK 2	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	IT ₃ U				T ₂	T ₁						T ₃		
	Giáo dục thể chất 2	2														
	Giáo dục QP (4 tuần)	165														
	Môn tự chọn 1	2			IT ₃ U				U					T ₃		T ₃
	Môn tự chọn 2	2		IT ₃ U				T ₃	U	U	T ₃	T ₃			T ₃	U
HK 3	Kinh tế vi mô	3		IT ₃ U		U										IT 1
	Luật Doanh nghiệp	3		IT ₃ U		IT 1	IT 1			IT 2	T ₃	T ₂		IT 1	IT 1	IT 1
	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	4		IT ₃ U			T ₁	T ₂		T ₃						
	Quản trị học căn bản	3		IT ₃ U					T ₃							
	Nguyên lý kế toán	4	IT ₃ U								T ₃			T ₂		T ₃
	Kỹ năng học thuật	4		IT ₃ U					U			U		U	T ₂	

	Môn tự chọn	2		IT ₃ U												
HK 4	Triết học Mác-Lenin	3	IT ₃ U				U	U								
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	IT ₃ U											T ₁	IT ₁	
	Kinh tế vĩ mô	3		IT ₃ U			T ₂	T ₁					T ₃			
	Nguyên lý thị trường tài chính	4		IT ₃ U						T ₂				U		T ₂
	Nguyên lý Marketing	4		IT ₃ U										U	U	U
	Môn tự chọn 1	4			IT ₃ U				U					T ₃		T ₃
	Môn tự chọn 2	2	IT ₃ U				T ₂	T ₂	T ₁							
HK 5	Lịch sử ĐCSVN	2	IT ₃ U					T ₂		U		T ₂		T ₂		
	Kinh tế chính trị Mác- Lenin	2	IT ₃ U			T ₂	T ₁					T ₃				
	Kinh tế quốc tế	3			IT ₃ U						T ₂					T ₃
	Luật thương mại quốc tế	3			IT ₃ U								U	U	U	U
	Kinh doanh quốc tế	4		IT ₃ U					T ₃							T ₃
	Môn tự chọn	3			IT ₃ U			T ₃	U	U	T ₃	T ₃			T ₃	U
HK 6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	IT ₃ U						T ₃							U
	Chính sách tài chính quốc tế	3			IT ₃ U					U	IT ₂			T ₃		T ₄
	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3			IT ₃ U								U	U	U	U
	Thanh toán quốc tế	3			IT ₃ U								U	U	U	U
	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3			IT ₃ U				U			T ₃				U
	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	3		IT ₃ U		T ₃										
	Kiến tập	2			IT ₄ U		T ₃		U	T ₃		U		U	U	U
	Môn tự chọn	3			IT ₃ U				U			T ₃				T ₃
HK 7	Lập và thẩm định dự án	3			IT ₄ U				T ₃				U	U	U	U
	Quản trị xuất nhập khẩu	3			IT ₄ U											
	Logistics	3			IT ₄ U		T ₃					U			U	U
	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3			IT ₃ U			U			U		U	U	U	U
	Môn tự chọn	3			IT ₃ U				T ₃		U					U
HK 8	Thực tập tốt nghiệp	4	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U
	Khóa luận tốt nghiệp	4	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U	U

Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế và thủ tục hải quan (Đối với SV không làm khóa luận)	2			IT ₃ U	U			U	U		U		U	U	U
Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (Đối với SV không làm khóa luận)	2			IT ₃ U		U			U				U	U	U
Tổng	120														

Ghi chú: I: Introduce, T: Teach, T1: Teach at level 1, T2: Teach at level 2, T3: Teach at level 3, T4: Teach at level 4, U: Use.

Nguồn: Khoa Kinh tế đối ngoại

4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Cử nhân chất lượng cao bằng tiếng Anh ngành KTQT có thể đảm nhận công việc liên quan đến hoạt động KTQT tại các nhóm sau:

- **Nhóm 1: Các trường đại học, viện nghiên cứu.** Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc với tư cách giảng viên, chuyên viên nghiên cứu, tư vấn, phân tích hoạch định chính sách.
- **Nhóm 2: Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế quốc tế (kinh tế đối ngoại).** Các công việc sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm là chuyên viên quan hệ quốc tế trong các cơ quan/Vụ/Viện về các vấn đề kinh tế đối ngoại và kinh doanh quốc tế như Bộ Công thương, Bộ Ngoại giao, Vụ hợp tác quốc tế của các Bộ, Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Quốc tế, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở thương mại, Cục xúc tiến thương mại...
- **Nhóm 3: Các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế.** Trong nhóm này bao gồm chuyên viên có năng lực, trong tương lai có khả năng trở thành doanh nhân hoặc nhà quản lý cao cấp trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở các vị trí có liên quan đến kinh tế đối ngoại như chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu, logistics, phát triển thị trường quốc tế và thương hiệu, thanh toán quốc tế, quan hệ quốc tế,...
- **Nhóm 4: Các tổ chức, định chế kinh tế quốc tế.** Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể trở thành các chuyên viên có năng lực, trong tương lai trở thành các chuyên gia trong các tổ chức quốc tế như ILO, UNCTAD, ADB, IMF, World Bank, NGOs...

5. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế chất lượng cao có thể tiếp tục học sau đại học (bậc thạc sỹ, tiến sỹ) trong nước và nước ngoài thuộc các khối ngành Kinh tế như Kinh tế học quốc tế; Thương mại quốc tế; Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế cũng như khối ngành Quản trị như Kinh doanh quốc tế.

6. Thời gian đào tạo: 4 năm

Cơ hội tốt nghiệp trước thời hạn: Chương trình cử nhân Kinh tế quốc tế CLC bằng tiếng Anh được thiết kế để sinh viên có thể hoàn thành toàn bộ chương trình trong thời gian bốn năm. Tuy nhiên, chương trình cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội được tốt nghiệp trước thời hạn. Sinh viên được tạo

điều kiện linh hoạt trong việc lập kế hoạch học tập của mình để tốt nghiệp sớm (thường là 3 năm) và tìm được việc làm sớm hơn.

7. **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 120 tín chỉ (không kể phần kiến thức ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)

Bảng 3: Tỷ trọng các khối kiến thức của chương trình

STT	Nhóm kiến thức	Số lượng tín chỉ	Tỷ trọng (%)
1	Khối kiến thức cơ bản	36 Tín chỉ	30%
2	Khối kiến thức cơ sở khối ngành và nhóm ngành	24 Tín chỉ	20%
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	50 Tín chỉ	41,67%
4	Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp & Khóa luận tốt nghiệp/Môn chuyên môn cuối khóa	10 Tín chỉ	8,33%
	Tổng cộng số tín chỉ	120 Tín chỉ	100%

Nguồn: Khoa Kinh tế đối ngoại

8. Nghiên cứu khoa học

Căn cứ theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo về chất lượng cao, tất cả sinh viên phải tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH). Mỗi sinh viên phải hoàn thành **ít nhất** một hoạt động NCKH trong suốt chương trình bốn năm đại học. Sinh viên muốn tốt nghiệp Chương trình cử nhân KDQT CLC phải hoàn thành yêu cầu về NCKH. Thực hiện NCKH giúp sinh viên khám phá những sở thích, tiếp thu kinh nghiệm và phát triển các kỹ năng. Sinh viên được khuyến khích hoàn thành yêu cầu NCKH càng sớm càng tốt. Sinh viên có thể thực hiện hoạt động NCKH độc lập hoặc cộng tác với các nhóm sinh viên, giảng viên. Nghiên cứu khoa học ở bậc đại học giúp sinh viên tự tin và có năng lực thực hiện những nhiệm vụ khác trong nghề nghiệp tương lai. Giảng viên trong vai trò cố vấn sẽ hỗ trợ sinh viên thực hiện NCKH đúng lộ trình và đưa ra những sự trợ giúp khi cần thiết.

9. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối tuyển sinh: A, A1 và D1

10. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

10.1 Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo: Chương trình đào tạo hiện nay được giảm xuống còn 120 tín chỉ và được chia thành 8 học kỳ trong bốn năm học.

- Khởi kiến thức giáo dục cơ bản: Học kỳ 1, Học kỳ 2, Học kỳ 3.
- Khởi kiến thức cơ sở của khối ngành: Học kỳ 4.
- Khởi kiến thức chuyên ngành: Học kỳ 5, Học kỳ 6, Học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp: Học kỳ 8.

10.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của chương trình Cử nhân Kinh tế quốc tế CLC bằng tiếng Anh của trường Đại học Kinh tế - Luật;
- Hoàn thành các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định, tích lũy đủ 120 tín chỉ theo quy định của ngành đào tạo (bao gồm kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp, ...), với điểm trung bình tích lũy từ 5 trở lên và không có điểm môn học nào dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 2 năm 2014);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên.

11. **Thang điểm:** Sử dụng **thang điểm 10** và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

12. Nội dung chương trình

12.1 Khởi kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Ngôn ngữ giảng dạy	TÍN CHỈ			
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1.1		Lý luận chính trị Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ		11	11		
Môn học bắt buộc (11 TC)				11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin (Principles of Marxism - Leninism)	Tiếng Việt	3	3		
2	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	Tiếng Việt	2	2		

3	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	Tiếng Việt	2	2		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	Tiếng Việt	2	2		
5	GEN1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	Tiếng Việt	2	2		
1.2 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ				4	4		
Môn tự chọn (4 TC)				4	4		
1	GEN1105	Văn hóa học (Introduction to Cultural Studies)	Song ngữ	2	2		3 chọn 1
2	GEN1106	Xã hội học (Introduction to Sociology)	Song ngữ	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam (Vietnamese culture)	Song ngữ	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới (International Political Geography)	Song ngữ	2	2		3 chọn 1
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế (International Relations)	Song ngữ	2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)	Song ngữ	2	2		
1.3 Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ				4	4		
Môn tự chọn (4 TC)				4	4		
1	GEN1101	Tâm lý học (Principles of Psychology)	Song ngữ	2	2		3 chọn 1
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (Introduction to Business Communication)	Song ngữ	2	2		
3	ECO1033	Nhân học đại cương (Introduction to Anthropology)	Song ngữ	2	2		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)	Tiếng Anh	2	2		2 chọn 1
5	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng (Administrative Office Management)	Tiếng Anh	2	2		
1.4 Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ				6	6		
Môn học bắt buộc (6 TC)				6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Theory of State and Law)	Song ngữ	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp (Introduction to Business Law)	Tiếng Anh	3	3		

1.5 Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ				2	2		
Môn học tự chọn: (2 TC)				2	2		
1	GEN1107	Logic học (Logic)	Tiếng Anh	2	2		3 chọn 1
2	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo (Digital Transformation & Artificial Intelligence)	Tiếng Anh	2	2		
3	ECO1060	Kinh tế số (Digital Economy)	Tiếng Anh	2	2		
1.6 Khoa học kinh tế: 9 tín chỉ				9	9		
Môn học bắt buộc (9 TC)				9	9		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics)	Tiếng Anh	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics)	Tiếng Anh	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản (Introduction to Management)	Tiếng Anh	3	3		
1.7	Tiếng Anh học thuật (Academic English)		Tiếng Anh	16			
1.8	Giáo dục thể chất (Physical Education)		Tiếng Việt	5			
1.9	Giáo dục quốc phòng (National Defense Education): 165 tiết, tương ứng 5 tín chỉ.		Tiếng Việt	5			

12.2 Kiến thức cơ sở khối ngành và nhóm ngành: 24 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Ngôn ngữ giảng dạy	TÍN CHỈ			
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn học bắt buộc (20 TC)				20	17	3	
1	MAT2001	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	Song ngữ	4	4		
2	MAT2002	Lý thuyết xác suất & thống kê ứng dụng (Probability Theory and Applied Statistics)	Tiếng Anh	4	4		
3		Nguyên lý kế toán (Fundamentals of Accounting)	Tiếng Anh	4	3	1	
4		Nguyên lý thị trường tài chính (Principles of Financial Markets)	Tiếng Anh	4	4		
5		Nguyên lý Marketing (Fundamentals of Marketing)	Tiếng Anh	4	3	1	

Môn học tự chọn (4 TC)				4	3	1	
6	MAT2003	Kinh tế lượng (Econometrics)	Tiếng Anh	4	3	1	2 chọn 1
7	MIS1095	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (Business Information System)	Tiếng Anh	4	3	1	

12.3 Kiến thức chuyên ngành: 50 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Ngôn ngữ giảng dạy	TÍN CHỈ			
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn học bắt buộc		41	34	7	
1	COM1038	Kỹ năng học thuật (Business Academic Skills)	Tiếng Anh	4	3	1	
2	COM1043	Kinh tế quốc tế (International Economics)	Tiếng Anh	3	2	1	
3	LAW1518	Luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)	Tiếng Anh	3	3		
4	COM1035	Kinh doanh quốc tế (International Business)	Tiếng Anh	4	3	1	
5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế (International Financial Policy)	Tiếng Anh	3	3		
6	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (International Transportation and Insurance)	Tiếng Anh	3	3		
7	COM1012	Thanh toán quốc tế (International Payment)	Tiếng Anh	3	3		
8	COM1008	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management)	Tiếng Anh	3	2	1	
9	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế (Economic Data Analysis)	Tiếng Anh	3	2	1	
10	COM1029	Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Project Formulation & Appraisal)	Tiếng Anh	3	2	1	
11	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu (Import and Export Management)	Tiếng Anh	3	3		
12	COM1011	Logistics	Tiếng Anh	3	2	1	

13	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế (International Business Negeotiation)	Tiếng Anh	3	3		
		Môn học tự chọn		9	9		
14	MIS11034	Thương mại điện tử (E-commerce)	Tiếng Anh	3	3		3 chọn 1
15	COM1027	Giao dịch thương mại quốc tế (International Trade Transactions)	Tiếng Anh	3	3		
16	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	Tiếng Anh	3	3		
17	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Law)	Tiếng Anh	3	3		3 chọn 1
18	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	Tiếng Anh	3	3		
19	BUS1213	Marketing quốc tế (International Marketing)	Tiếng Anh	3	3		
20	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu (International Procurement Management)	Tiếng Anh	3	3		3 chọn 1
21	COM1028	Khởi nghiệp (Enterprenuership)	Tiếng Anh	3	3		
22	COM1018	Đầu tư quốc tế (International Investment)	Tiếng Anh	3	3		

12.4 Kiến thức thực tập, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc môn chuyên môn cuối khóa: 10 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	Ngôn ngữ giảng dạy	TÍN CHỈ			
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Học phần bắt buộc: 4 TC				6		6	
1	COM1030	Kiến tập (Internship)	Tiếng Anh	2		2	
2	COM1031	Thực tập cuối khóa (Graduate internship)	Tiếng Anh	4		4	
Học phần tự chọn: 4 TC							
1	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp (Graduate thesis)	Tiếng Anh	4		4	

2	COM1046	Chuyên môn cuối khoá 1: Thuế và thủ tục hải quan (Tax and Custom Procedures) (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	Tiếng Anh	2	2		
	COM1047	Chuyên môn cuối khoá 2: Chính sách thương mại quốc tế (International Trade Policy) (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	Tiếng Anh	2	2		

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi kiến tập, thực tập chuyên môn cuối khóa và hoàn tất báo cáo kiến tập, báo cáo thực tập, tương đương 6 TC.
- Học phần kiến tập sẽ tổ chức vào cuối học kỳ 6, trong thời gian hè.

12.5 Khối kiến thức ngoại ngữ: 16 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Tiếng Anh học thuật 1 (Academic English 1)	4	1	3		Trình độ tương đương IELTS 5.0
2		Tiếng Anh học thuật 2 (Academic English 2)	4	1	3		
3		Tiếng Anh học thuật 3 (Academic English 3)	4	1	3		Đã học và thi Tiếng anh học thuật 1 và 2
4		Tiếng Anh học thuật 4 (Academic English 4)	4	1	3		

13. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ

TT	Mã MH	MÔN HỌC	Ngôn ngữ giảng dạy	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		HỌC KỲ 1		6				
		Môn học bắt buộc		4				
1	MAT2001	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	Song ngữ	4	3	1		
2		Tiếng Anh học thuật 1 (Academic English 1)	Tiếng Anh	4	1	3		SV có IELTS >= 5.0
3		Tiếng Anh học thuật 2 (Academic English 2)	Tiếng Anh	4	1	3		

4		Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	Tiếng Việt	3					
		Môn học tự chọn		2		2			
5	GEN1101	Tâm lý học (Principles of Psychology)	Song ngữ	3 chọn 1	2	2			
6	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (Introduction to Business Communication)	Song ngữ		2	2			
7	ECO1033	Nhân học đại cương (Introduction to Anthropology)	Song ngữ		2	2			
		HỌC KỲ 2		7					
		Môn học bắt buộc		3					
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Theory of State and Law)	Song ngữ	3		3			
2		Tiếng Anh học thuật 3 (Academic English 3)	Tiếng Anh	4		1	3	SV có IELTS >= 5.0	
3		Tiếng Anh học thuật 4 (Academic English 4)	Tiếng Anh	4		1	3		
4		Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	Tiếng Việt	2		1	3		
5		Giáo dục quốc phòng (National Defense Education)	Tiếng Việt	5		1	4		
		Môn học tự chọn		4		4			
6	GEN1105	Văn hóa học (Introduction to Cultural Studies)	Song ngữ	3 chọn 1	2	2			
7	GEN1106	Xã hội học (Introduction to Sociology)	Song ngữ		2	2			
8	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam (Vietnamese culture)	Song ngữ		2	2			
9	GEN1103	Địa chính trị thế giới (International Political Geography)	Song ngữ	3 chọn 1	2	2			
10	GEN1104	Quan hệ quốc tế (International Relations)	Song ngữ		2	2			
11	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới (The Story of World Civilization)	Song ngữ		2	2			
		HỌC KỲ 3		23					
		Môn học bắt buộc		21		18	3		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics)	Tiếng Anh	3		3			
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp (Introduction to Business Law)	Tiếng Anh	3		3			LAW1001

3	MAT2002	Lý thuyết xác suất & thống kê ứng dụng (Probability Theory and Applied Statistics)	Tiếng Anh	4		3	1		
4	BUS1100	Quản trị học căn bản (Introduction to Management)	Tiếng Anh	3		3			
5		Nguyên lý kế toán (Fundamentals of Accounting)	Tiếng Anh	4		3	1		
6	COM1039	Kỹ năng học thuật (Business Academic Skills)	Tiếng Anh	4		3	1		
		Môn học tự chọn		2					
7	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)	Tiếng Anh	2	2	2			
8	GEN1112	Nghiep vụ hành chính văn phòng (Administrative Office Management)	Tiếng Anh	1	2	2			
		HỌC KỲ 4		22					
		Môn học bắt buộc		16		15	1		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin (Principles of Marxism - Leninism)	Tiếng Việt	3		3			
2	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	Tiếng Việt	2		2			
3	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics)	Tiếng Anh	3		3			ECO1001
4		Nguyên lý thị trường tài chính (Principles of Financial Markets)	Tiếng Anh	4		4			
5	BUS1200	Nguyên lý Marketing (Fundamentals of Marketing)	Tiếng Anh	4		3	1		
		Môn học tự chọn		6		3	1		
6	MAT2003	Kinh tế lượng (Econometrics)	Tiếng Anh	2	4	3	1		
7	MIS1095	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (Business Information System)	Tiếng Anh	1	4	3	1		
8	GEN1107	Logic học (Logic)	Tiếng Anh		2	2			
9	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo (Digital Transformation & Artificial Intelligence)	Tiếng Anh	3	2	2			
10	ECO1060	Kinh tế số (Digital Economy)	Tiếng Anh		2	2			
		HỌC KỲ 5		17					
		Môn học bắt buộc		14					

1	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	Tiếng Việt	2					
2	GEN1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)	Tiếng Việt	2					
3	COM1001	Kinh tế quốc tế (International Economics)	Tiếng Anh	3					
5	LAW1518	Luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)	Tiếng Anh	3					
6	COM1035	Kinh doanh quốc tế (International Business)	Tiếng Anh	4					
		Môn học tự chọn		3		3			
7	MIS11034	Thương mại điện tử (E-commerce)	Tiếng Anh		3	3			
8	COM1027	Giao dịch thương mại quốc tế (International Trade Transactions)	Tiếng Anh	3 chọn 1	3	3			
9	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)	Tiếng Anh		3	3			
		HỌC KỲ 6		22					
		Môn học bắt buộc		19		14			
1	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	Tiếng Việt	2		2			
2	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế (International Financial Policy)	Tiếng Anh	3					COM1001
3	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (International Transportation and Insurance)	Tiếng Anh	3		3			
4	COM1012	Thanh toán quốc tế (International Payment)	Tiếng Anh	3		3			
5	COM1008	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management)	Tiếng Anh	3		3	1		
6	MAT1010	Phân tích dữ liệu trong kinh tế (Economic Data Analysis)	Tiếng Anh	3		2	1		
7	COM1030	Kiến tập (Internship)	Tiếng Anh	2			2		
		Môn học tự chọn		3		5	1		
8	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ (Intellectual Property Law)	Tiếng Anh		3	3			
9	COM1022	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	Tiếng Anh	3 chọn 1	3	2	1		MAT2002



10	BUS1213	Marketing quốc tế (International Marketing)	Tiếng Anh		3	3			
		HỌC KỲ 7			15				
		Môn học bắt buộc			12				
1	COM1029	Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Project Formulation & Appraisal)	Tiếng Anh		3	3	1		ACC1013
2	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu (Import and Export Management)	Tiếng Anh		3	3			
3	COM1011	Logistics	Tiếng Anh		3				
4	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế (International Business Negotiation)	Tiếng Anh		3	3			
		Môn học tự chọn chuyên sâu			3				
5	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu (International Procurement Management)	Tiếng Anh			3	3		COM1022
6	COM1028	Khởi nghiệp (Enterprenuership)	Tiếng Anh	3	chọn 1	3	3		
7	COM1018	Đầu tư quốc tế (International Investment)	Tiếng Anh			3	3		
		HỌC KỲ 8			8				
		Môn học bắt buộc			4		4		
1	COM1031	Thực tập tốt nghiệp (Graduate internship)	Tiếng Anh		4				COM1030
		Môn học tự chọn chuyên sâu			4				
		Đối với SV làm Khóa luận TN				4		4	
2	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp (Graduate thesis)	Tiếng Anh		4				COM1031
		Đối với SV không làm Khóa luận TN				4	4		
3	COM1046	Thuế và thủ tục hải quan (Tax & Custom Procedures) (Chuyên môn cuối khóa 1)	Tiếng Anh		2	2			
4	COM1047	Chính sách thương mại quốc tế (International Trade Policy) (Chuyên môn cuối khóa 2)	Tiếng Anh		2	2			
		TỔNG			120				

14. Mô tả môn học

1. Môn học: TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải được trang bị kiến thức chung về khoa học xã hội.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác-Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác-Lênin vào nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

2. Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin

Nội dung môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

3. Môn học: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có hiểu biết về những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác Lê nin

Nội dung môn học: Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...). Môn học cũng củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

4. Môn học: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

5. Môn học: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

6. Môn học: VĂN HOÁ HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng cơ bản và tổng quan về văn hóa; những kiến thức về văn hóa của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử, những nét văn hóa đặc sắc của phương Đông lẫn phương Tây.

7. Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học nhằm cung cấp cho người học các khái niệm của xã hội học và 2 cách tiếp cận vĩ mô và vi mô của xã hội học; Liên hệ các khái niệm cơ bản của xã hội học vào việc giải thích cấu trúc xã hội và tương tác xã hội; Áp dụng hai cách tiếp cận của lý thuyết vào việc giải thích sự liên kết, tính đồng nhất cũng như sự khác biệt giữa các cá nhân, các nhóm và các tổ chức xã hội.

8. Môn học: CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các khái niệm, thuật ngữ khoa học liên quan đến văn hoá và văn hoá Việt Nam, các vấn đề về văn hoá nhận thức của người Việt; văn hoá tổ chức đời sống (cá nhân và tập thể), văn hoá ứng xử (với tự nhiên và xã hội).

9. Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

10. Môn học: QUAN HỆ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập... Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

11. Môn học: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người, cho người học có những kiến thức cơ bản và hệ thống về những nền văn minh thời cổ trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á) và phương Tây (Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu) và nền văn minh công nghiệp thời cận hiện đại.

12. Môn học: TÂM LÝ HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các vấn đề tổng quan của tâm lý học như bản chất của tâm lý học; sự hình thành và phát triển của tâm lý; các hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

13. Môn học: NHẬP MÔN KHOA HỌC GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên khái niệm về giao tiếp và quá trình giao tiếp cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết để đạt được hiệu quả trong giao tiếp.

14. Môn học: NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về đối tượng, quan điểm, khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành nhân học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu trong nhân học; các kiến thức về nguồn gốc, sự tiến hoá của loài người và các chủng tộc trên thế giới, quá trình

tộc người và các tiêu chí xác định tộc người. Ngoài ra, sinh viên được tiếp cận với các vấn đề khác của đời sống con người như: hôn nhân và gia đình, các vấn đề về kinh tế, ngôn ngữ, văn hoá, tôn giáo, phân tầng xã hội dưới góc độ tiếp cận của nhân học.

15. Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về làm việc nhóm để duy trì tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được khả năng vận dụng các lý thuyết cơ bản trong làm việc nhóm để lập luận và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhóm và trong kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ biết cách thành lập, xây dựng và phát triển nhóm. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện và phát huy các kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng thành lập nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành một số kỹ năng như kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp...

16. Môn học: NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên cả kiến thức, kỹ năng tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.

17. Môn học: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC & PHÁP LUẬT (PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước.

18. Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn Pháp luật đại cương.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế.

19. Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam... Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

20. Môn học: CHUYÊN ĐỔI SỐ & TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

21. Môn học: KINH TẾ SỐ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số; thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định; phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế; áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

22. Môn học: KINH TẾ VI MÔ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức toán cơ bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng; Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế

23. Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức toán cơ bản, kinh tế vi mô.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ; Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

24. Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

25. Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 5 tín chỉ

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

26. Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 8 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

27. Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: nắm vững những kiến thức toán phổ thông căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

28. Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT & THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong các môn Toán cao cấp

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội. Ngoài ra, môn học cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã

thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

29. Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

30. Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Học viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

31. Môn học: NGUYÊN LÝ MARKETING

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng; Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

32. Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về Lý thuyết xác suất & Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Định hướng của môn học nhằm trình bày một cách cơ bản cho sinh viên những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng của kinh tế lượng, công cụ hỗ trợ của những quyết định và dự báo cho doanh nghiệp hoặc quốc gia trong tương lai.

33. Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

34. Môn học: KỸ NĂNG HỌC THUẬT

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học:

Môn học phát triển các kỹ năng quan trọng gồm kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thu thập, phân tích số liệu, kỹ năng thuyết trình, viết đề cương nghiên cứu, viết báo cáo thực tập, kỹ năng trình bày khoá luận tốt nghiệp, kỹ năng viết và trình bày báo cáo kinh doanh. Sinh viên sẽ được phát triển và hoàn thiện các kỹ năng chuyên nghiệp này thông qua thực hành giúp người học tự tin tham gia các hoạt động học thuật và hoà nhập với môi trường nghề nghiệp.

35. Môn học: KINH TẾ QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học môn Kinh tế học vi mô 1.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

36. Môn học: LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hiểu môn Pháp luật đại cương.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về pháp luật hợp đồng thông qua việc phân tích pháp luật của Việt Nam trong, so sánh với pháp luật của các nước và đối chiếu với thực tiễn. Trên cơ sở đó trang bị cho người học các kỹ năng pháp lý trong việc đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh quốc tế.

37. Môn học: KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức, hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh quốc tế một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật ở mức độ có thể được với những thay đổi diễn ra từng ngày trong môi trường và hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

38. Môn học: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Đã có kiến thức Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp các lý thuyết, mô hình cơ bản trong lĩnh vực tài chính quốc tế và chính sách tài chính quốc tế trong nền kinh tế mở. Sau khi học môn học người học có thể hiểu, phân tích, đánh giá được các chính sách liên quan tới lĩnh vực tài chính quốc tế như: chính sách tỉ giá, chính sách tiền tệ, chính sách thương mại, của một quốc gia.

39. Môn học: VẬN TẢI VÀ BẢO HIỂM QUỐC TẾ.

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và nghiệp vụ về vận tải quốc tế bằng đường biển, đường hàng không, vận tải đa phương thức và Logistics. Song song đó là các Công ước quốc tế, các nguồn luật quốc tế và Việt Nam điều chỉnh các mối quan hệ trong các phương thức vận tải trên. Trong phần Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về bảo hiểm; các điều kiện bảo hiểm của Hiệp hội bảo hiểm London và của Công ty bảo hiểm Việt Nam.

40. Môn học: THANH TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về Chính sách tài chính quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tỉ giá hối đoái và chính sách tỉ giá, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, nghiệp vụ tài trợ ngoại thương và hoạt động bảo lãnh của ngân hàng liên quan hoạt động xuất nhập khẩu. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán quốc tế: thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, các nghiệp vụ tài trợ trong ngoại thương, bảo lãnh ngân hàng liên quan xuất nhập khẩu, bảo hiểm nguồn tiền xuất nhập khẩu,...

41. Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐA QUỐC GIA

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua một số môn học khác có liên quan như Nguyên lý kế toán, tài chính quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học này bao gồm các vấn đề về quản trị tài chính của công ty đa quốc gia. Đó là các vấn đề như: Tổng quan về tài chính công ty; môi trường tài chính quốc tế; Công ty đa quốc gia và vấn đề quản trị tài chính quốc tế; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản lưu động; Quản trị hệ thống tài chính đa quốc gia; Quản trị thuế quốc tế; Lập kế hoạch chiến lược toàn cầu.

42. Môn học: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất & Thống kê ứng dụng

Nội dung môn học: Môn học cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

43. Môn học: LẬP & THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học và thi môn Nguyên lý kế toán.

Nội dung môn học: Môn học trình bày các kiến thức cơ bản và nâng cao về lý thuyết và những ứng dụng thực tế của việc lập & thẩm định dự án đầu tư. Môn học sẽ được chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất của môn học sẽ đề cập đến các bước lập dự án đầu tư, phần thứ hai của môn học sẽ tập trung vào việc thẩm định dự án đầu tư, đặc biệt chú trọng về thẩm định tính khả thi về mặt tài chính của dự án.

44. Môn học: QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm các nội dung chủ yếu như sau: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.

45. Môn học: LOGISTICS

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên hiểu được nội dung cơ bản về logistics và các hoạt động logistics, hiểu rõ các yếu tố xác định chi phí logistics; Có kiến thức tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động logistics đang được ứng dụng tại một số doanh nghiệp VN; Hoàn thiện và xây dựng được các phương án tối ưu cho hoạt động logistics cho DN.

46. Môn học: ĐÀM PHÁN KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Môn học tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học đàm phán kinh doanh trang bị cho sinh viên chuyên ngành kinh tế đối ngoại những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận, kỹ năng về đàm phán kinh doanh với các nội dung: các kỹ thuật và kỹ năng đàm phán kinh doanh, nhận thức và hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật đàm phán.

47. Môn học: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có kiến thức tin học cơ bản (đặc biệt là có khả năng sử dụng Internet và Email) và trình độ tiếng Anh cơ bản. Ngoài ra, sinh viên đã có những kiến thức ở các môn học khác như Marketing cơ bản, Quản trị học cơ bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quan về TMĐT, ví dụ như hiểu được TMĐT là gì, các mô hình TMĐT, cơ hội và nguy cơ, rủi ro khi ứng dụng TMĐT.

48. Môn học: GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Có kiến thức về kinh tế quốc tế

Nội dung môn học: Môn học trang bị kiến thức cho người học và phát triển khả năng của người học trong việc lựa chọn phương thức giao dịch trong TMQT, soạn thảo ký kết hợp đồng trong giao dịch TMQT, trình tự tiến hành, thủ tục thực hiện hợp đồng mua bán quốc tế phù hợp với luật pháp quốc tế và Việt Nam. Học phần đề cập đến những nội dung: các phương thức giao dịch trên thị trường thế giới, soạn thảo, ký kết hợp đồng trong giao dịch TMQT, các điều kiện thương mại quốc tế, trình tự thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, cách thức lập các chứng từ liên quan trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa.

49. Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong Lý thuyết xác suất & Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

50. Môn học: LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức nền tảng về pháp luật sở hữu trí tuệ; các quy định pháp luật cụ thể về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, luật bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và bí mật thương mại (và các lĩnh vực khác liên quan đến SHTT của nhà nước), cũng như một số tranh cãi nổi bật trong luật sở hữu trí tuệ, bao gồm bảo vệ bằng sáng chế cho phần mềm và các phương thức kinh doanh.

51. Môn học: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Có kiến thức nền tảng về Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm được các khái niệm liên quan đến Logistics, quản trị Logistics, ứng dụng logistics trong hoạt động kinh doanh toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Kết thúc môn học sinh viên nắm được việc thiết kế, điều hành hoạt động, kiểm tra kiểm soát chuỗi Logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu.

52. Môn học: MARKETING QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học môn marketing căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những kiến thức marketing đủ để có thể kinh doanh trên thị trường quốc tế, thị trường toàn cầu, cụ thể: người học biết được cách thức đánh giá và lựa chọn các cơ hội thị trường thế giới và cách thức xâm nhập thị trường thế giới, đồng thời vạch ra các chiến lược và kế hoạch marketing hỗn hợp ở thị trường xuất khẩu cụ thể và trên phạm vi thị trường toàn cầu.

53. Môn học: QUẢN TRỊ MUA HÀNG TOÀN CẦU

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Đã học và thi môn Quản trị chuỗi cung ứng

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên cách tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động doanh nghiệp; Xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng, hướng dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; Đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp chiến lược; Đánh giá và phát triển đội ngũ nhân viên mua hàng để đảm bảo các nguồn lực được sử dụng hiệu quả đáp ứng tiến độ công việc và mục tiêu đề ra; Phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể; Kiểm soát ngân sách của bộ phận mua hàng.

54. Môn học: KHỞI NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khởi nghiệp giúp sinh viên khởi nghiệp thành công trong môi trường kinh doanh. Phần đầu môn học bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng kinh doanh và kiểm tra tính khả thi của ý tưởng kinh doanh. Khi ý tưởng được phát triển, sinh viên được tiếp cận việc lựa chọn mô hình kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiềm năng, quy mô thị trường, định giá sản phẩm, xác định đối thủ cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh, phân phối, tìm nhà đầu tư, phát triển sản phẩm mẫu, và nhiều khía cạnh khác của một công ty khởi nghiệp..

55. Môn học: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học một số môn học khác có liên quan như Nguyên lý kế toán, Chính sách tài chính quốc tế, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học nhằm cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn cho người học về hoạt động đầu tư quốc tế trên thế giới và tại Việt Nam; các nội dung về khái niệm, đặc điểm, các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế, đặc biệt tập trung vào hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài với những vấn đề như xu hướng đầu tư, các tác động của hoạt động đầu tư, kỹ thuật đầu tư quốc tế.

56. Môn học: KIẾN TẬP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên cơ hội quan sát một hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng tư duy phân tích, tư duy sáng tạo để phát triển bản thân và kỹ năng nghề nghiệp giúp nâng cao cơ hội việc làm ở các doanh nghiệp mong đợi.

57. Môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Kiến tập & tích lũy được tối thiểu 100 tín chỉ của chương trình đào tạo.

Nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc của chương trình. Đây là thời gian sinh viên được tiếp cận với môi trường kinh doanh tại công ty lựa chọn. Thực tập giúp sinh viên làm quen với những nghề nghiệp và tham gia vào quá trình lao động, đồng thời áp dụng kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong chương trình vào môi trường thực tế thông qua một vị trí công việc trong suốt 10 tuần. Sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng trong quá trình làm việc với một tổ chức, từ đó có thể dễ dàng thích nghi với công việc sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, thực tập cung cấp cơ hội để sinh viên dễ dàng tìm kiếm việc làm hơn, thậm chí tìm được việc làm trước khi tốt nghiệp.

58. Môn học: THUẾ & THỦ TỤC HẢI QUAN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại thuế trong hoạt động xuất nhập khẩu, nguyên tắc xác định trị giá hải quan cho hàng xuất khẩu, nhập khẩu; nguyên tắc mã hoá hàng hoá xuất nhập khẩu (HS codes); nguyên tắc xác định xuất xứ cho hàng hoá xuất nhập khẩu. Sinh viên có thể áp dụng thủ tục hải quan cho hàng xuất nhập khẩu cho các loại hình kinh doanh đặc biệt. Sinh viên cũng có thể thực hành khai báo thủ tục hải quan điện tử cho một số loại hình xuất nhập khẩu đặc biệt.

59. Môn học: CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học kiến thức trong việc nhận biết, đánh giá, giải thích, phân tích các bình luận một cách logic và hệ thống các vấn đề học thuật và thực tiễn liên quan đến chính sách thương mại quốc tế của các quốc gia và Việt Nam được xây dựng trên quan điểm của

WTO và các cam kết của Việt Nam với WTO. Môn học liên quan đến các nội dung như các học thuyết nền tảng về thương mại quốc tế; khung chính sách thương mại quốc tế; các công cụ của chính sách TMQT, thương mại dịch vụ, hội nhập quốc tế và khu vực của Việt Nam thông qua các vòng đàm phán đa phương và song phương.

60. Môn học: KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Thực tập tốt nghiệp.

Nội dung môn học: Khóa luận tốt nghiệp là học phần cuối cùng để nhận bằng cử nhân, thường được tổ chức vào học kỳ 8 hoặc có thể sớm hơn. Khóa luận tốt nghiệp là việc vận dụng cơ sở lý thuyết để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và tìm ra hướng giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp hoặc của nền kinh tế. Sinh viên phải hoàn thành báo cáo khóa luận bằng tiếng Anh và bảo vệ trước hội đồng. Khóa luận được thực hiện bởi sinh viên dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên trong một đề tài nghiên cứu nhất định liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

15. Danh sách giảng viên

15.1 Giảng viên cơ hữu

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Đỗ Phú Trần Tỉnh, 1979	PGS, 2015	TS, VN, 2010	Kinh tế chính trị	Triết học Mác – Lênin (Principles of Marxism - Leninism) Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)
2	Hà Thanh Minh, 1962		ThS, VN, 1994	Kinh tế chính trị	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)
3	Nguyễn Thị Bích Ngoan		TS, VN, 2009	Ngoại ngữ	Nhập môn khoa học giao tiếp (Introduction to Business Communication)
4	Hoàng Đoàn Phương Thảo		ThS, VN, 2016	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)
5	Dương Anh Sơn	PGS	PhD, Moldova, 2002	Luật	Lý luận nhà nước và pháp luật (Theory of State and Law) Luật doanh nghiệp (Introduction to Business Law)
6	Lê Hoàn Sừ		TS, Hàn Quốc, 2016	Hệ thống Thông tin	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo (Digital Transformation & Artificial Intelligence)

7	Trần Lục Thanh Tuyền, 1985		ThS, VN, 2010	Kinh tế học	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics)
8	Trần Quang Văn, 1978		TS, Đức, 2013	Kinh tế học	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics)
9	Trần Thị Hồng Liên, 1983		TS, Úc, 2015	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản (Introduction to Management)
10	Lê Anh Vũ, 1958	PGS, 2007	TS, VN, 1990	Toán học	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)
11	Phạm Hoàng Uyên, 1976		TS, Mỹ, 2010	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	Lý thuyết xác suất & thống kê ứng dụng (Probability Theory and Applied Statistics); Kinh tế lượng (Econometrics)
12	Nguyễn Chí Hiếu, 1985		ThS, VN, 2011	Kế toán kiểm toán	Nguyên lý kế toán (Fundamentals of Accounting)
13	Nguyễn Hoàng Anh, 1986		TS, Nhật, 2015	Tài chính	Nguyên lý thị trường tài chính (Principles of Financial Markets)
14	Cung Thục Linh		ThS, VN, 2016	Quản Trị Kinh Doanh	Nguyên lý Marketing (Fundamentals of Marketing)
15	Hồ Trung Thành		TS, VN, 2018	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin doanh nghiệp (Business Information System); Phân tích dữ liệu trong kinh tế (Economic Data Analysis)
16	Huỳnh Thị Thuý Giang, 1976		TS, VN, 2012	Kinh tế tài chính	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management)
17	Nguyễn Hoàng Dũng, 1973		TS, Hà Lan, 2018	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management) Quản trị mua hàng toàn cầu (International Procurement Management) Logistics
18	Lưu Tiến Dũng, 1987		TS, VN, 2018	Kinh tế học	Kinh doanh quốc tế (International Business) Khởi nghiệp (Enterprenuership)
19	Trần Văn Đức, 1972		TS, Nga, 2000	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế (International Economics)
20	Lê Tuấn Lộc, 1972	PGS, 2020	TS, Nga, 2003	Kinh tế thế giới	Chính sách tài chính quốc tế (International Financial Policy)

21	Trần Thanh Long, 1973		TS, VN, 2011	Kinh doanh và quản lý	Thanh toán quốc tế (International Payment); Đàm phán KDQT (International Business Negotiation)
22	Mai Thị Cẩm Tú, 1982		TS, VN, 2016	Kinh tế học	Quản trị xuất nhập khẩu (Import and Export Management) Vận tải và bảo hiểm quốc tế (International Transportation and Insurance)
23	Hoàng Lâm Cường, 1973		TS, Úc, 2020	Quản trị kinh doanh	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (International Transportation and Insurance): Logistics
24	Đào Gia Phúc, 1988		TS, Nhật, 2019	Luật so sánh	Luật thương mại quốc tế (International Commercial Law)
25	Chung Từ Bảo Như, 1991		Ths, Hà Lan, 2016	Kinh doanh quốc tế	Kỹ năng học thuật (Business Academic Skills); Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)
26	Hoàng Thị Quế Hương, 1992		ThS, VN, 2017	Quản trị kinh doanh	Kỹ năng học thuật (Business Academic Skills); Kinh doanh quốc tế (International Business)
27	Nguyễn Thị Phương Linh, 1987		ThS, Bỉ, 2016	Phân tích Marketing	Kinh doanh quốc tế (International Business); Khởi nghiệp (Entrepreneurship)
28	Phùng Tuấn Thành, 1985		ThS, VN, 2009	Kinh tế kinh doanh	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management) Đầu tư quốc tế (International Investment)
29	Trần Thiện Trúc Phượng		ThS, Hà Lan, 2011	Kinh tế phát triển	Lập & Thẩm định và Quản trị dự án đầu tư (Project Formulation & Appraisal)
30	Ngô Thanh Trà, 1983		ThS, Úc, 2012	Kinh tế học	Lập & Thẩm định và Quản trị dự án đầu tư (Project Formulation & Appraisal)
31	Nguyễn Văn Nền, 1988		TS, VN, 2020	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Chính sách tài chính quốc tế (International Financial Policy) Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)
32	Đào Thị Ngọc		ThS, VN, 2013	Kinh tế phát triển	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methods)
33	Nguyễn Thị Diệu Hiền, 1988		ThS, VN, 2015	Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế	Thanh toán quốc tế (International Payment)

34	Trương Kim Hương, 1984		ThS, VN, 2014	Kinh tế thế giới và quan hệ KTQT	Thanh toán quốc tế (International Payment)
35	Nguyễn Công Hoà, 1986		ThS, Mỹ, 2010	Quản trị kinh doanh	Marketing quốc tế (International Marketing)
36	Nguyễn Duy Quang, 1975		ThS, VN, 2014	Logistics và vận tải bảo hiểm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (International Transportation and Insurance)
37	Phạm Ngọc Ý, 1989		ThS, VN, 2014	Kinh tế thế giới và quan hệ KTQT	Đàm phán kinh doanh quốc tế (International Business Negotiation)
38	Hà Minh Trường, 1992		Ths, VN, 2018	Quan hệ quốc tế	Đàm phán kinh doanh quốc tế (International Business Negotiation)
39	Hoàng Ngọc Hiếu, 1985		ThS, VN, 2013	Kinh tế học	Kinh tế quốc tế (International Economics)

15.2 Giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Đình Tấn Đạt, 1988		ThS, VN, 2014	Kinh tế	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Công ty
3	Lâm Trường Thoại		ThS, VN, 2010	QTKD	Lập & Thẩm định DADT	VNU
4	Nguyễn Viết Bằng		TS, VN, 2016	Kinh tế thương mại	Kinh doanh quốc tế	UEH
5	Đào Minh Hồng		TS, VN	Lịch sử thế giới	Quan hệ quốc tế	USSH
6	Nguyễn Thùy Dương		TS, VN	Lịch sử	Đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng HCM	UEH
7	Trần Nam Tiến		TS, VN	Lịch sử	Địa chính trị thế giới	USSH
8	Hồ Thị Lan Chi		ThS, VN, 2016	Kinh tế quốc tế	Thuế và thủ tục hải quan	Cục thuế

16. Danh sách cố vấn học tập

STT	Tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Nguyễn Hoàng Dũng	TS	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	Giảng viên
2	Mai Thị Cẩm Tú	TS	Kinh tế học	Giảng viên
3	Trần Văn Đức	TS	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Giảng viên
4	Lưu Tiến Dũng	TS	Kinh tế học	Giảng viên
5	Trần Thanh Long	TS	Kinh doanh và quản lý	Giảng viên
6	Trương Kim Hương	ThS	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Giảng viên
7	Hoàng Thị Quế Hương	ThS	Quản trị kinh doanh	Giảng viên
8	Chung Từ Bảo Như	ThS	Kinh doanh quốc tế	Giảng viên
9	Ngô Thanh Trà	ThS	Kinh tế học	Giảng viên
10	Hà Minh Trường	ThS	Quan hệ quốc tế	Giảng viên
11	Phạm Ngọc Ý	ThS	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Giảng viên
12	Nguyễn Văn Nên	ThS	Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế	Giảng viên
13	Nguyễn Thị Diệu Hiền	ThS	Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế	Giảng viên
14	Phùng Tuấn Thành	ThS	Kinh tế kinh doanh	Giảng viên
15	Nguyễn Thị Phương Linh	ThS	Phân tích Marketing	Giảng viên
16	Nguyễn Công Hoà	ThS	Quản trị kinh doanh	Giảng viên

17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

17.1 Phòng học:

Đại học Kinh tế - Luật với tổng diện tích đất là 17,12 ha, với tổng diện tích đất sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 30,323 m². Để phục vụ đào tạo Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Số phòng học phục vụ cho chương trình chất lượng cao là 42 phòng với tổng diện tích 2.760 m² sàn được bố trí tối thiểu 40 ghế/phòng cho các lớp chất lượng cao. Các phòng học và không gian học tập này được trang bị máy lạnh, máy chiếu có độ nét cao, bảng từ, Flipchart, hệ thống âm thanh chuẩn cho giảng dạy. Bên cạnh đó, sinh viên của Chương trình chất lượng cao được ưu tiên sử dụng phòng máy tính, các phòng thực hành mô phỏng về tài chính-kinh doanh-tin học, phòng thảo luận và được trang bị phòng tự học. Trường cũng đã tiến hành đầu tư và dự kiến đưa vào sử dụng phòng Multimedia

với máy móc thiết bị hiện đại đồng bộ phục vụ cho chương trình chất lượng cao và đề án giáo dục 4.0 với tổng kinh phí khoảng 2 tỷ.

Trong năm 2020, Nhà trường đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng tòa nhà Khối văn phòng khoa KTL.B2 với tổng diện tích sàn 4.032 m², trong đó dành ra khoảng 1.728 m² phục vụ cho hoạt động của Thư viện, khu tự học, nghiên cứu của sinh viên được đầu tư hiện đại đồng bộ với đầy đủ bàn ghế, máy móc, thiết bị cho sinh viên.

Bảng 4: Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	15
2	Phòng học từ 100-200 chỗ	30
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	45
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	17
5	Số phòng học đa phương tiện	6

Nguồn: Phòng Quản trị cơ sở vật chất (2020)

17.2 Thiết bị thí nghiệm và hệ thống thực hành

Bảng 5: Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Tên	Các trang thiết bị chính (ghi rõ số lượng)	
1	Phòng thực hành ngoại ngữ	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04
		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm Lab ngoại ngữ và giáo trình tích hợp Sanako	02
2	Phòng thực hành tin học	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04

		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm tin học	04
3	Phòng BI Lab	Máy tính	51
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	03
		Bàn	45
		Ghế	45
		Micro	02
		Tai nghe có Micro	55
		Máy in	01
		Máy scan	01
		Thiết bị chuyển mạch cho máy tính	02
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Phần mềm SAP Business One	01
4	Phòng thực hành luật	Bàn thẩm phán	03
		Ghế thẩm phán	06
		Bàn	20
		Ghế ngồi	80
5	Phòng mô phỏng thị trường tài chính	Máy tính	40
		Máy chiếu	03
		Màn chiếu	01
		Máy lạnh	02
		Bàn	45
		Ghế	45
		Headphone	45
		Phần mềm Thomson Reuters	01
		Phần mềm Rotman Intetactive Trader (RIT)	01
		Phần mềm xử lý dữ liệu tài chính Matlab 2015a	01

	Phần mềm kinh tế lượng Eviews	05
	Phần mềm ước lượng các mô hình tài chính Stata	01
	Hệ thống hội nghị truyền hình	01
	Tivi	01

17.3 Thư viện

- Thư viện trung tâm, Đại học Quốc gia TP.HCM
- Thư viện của trường Đại học Kinh tế - Luật – ĐHQG TP.HCM

17.4 Giáo trình

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Triết học Mác – Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng HCM	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản VN	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2020
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình CNXH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
6	Văn hóa học	Giáo trình Văn hoá học đại cương	GS. Trần Quốc Vượng	NXB KHXH	1996
7	Xã hội học	Giáo trình xã hội học đại cương	ThS. Tạ Minh	NXB ĐHQG TP.HCM	2007
8	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam	GS. Trần Quốc Vượng	NXB KHXH	2006
9	Địa chính trị thế giới	Địa chính trị thế giới	Nguyễn Thị Quế, Ngô Thuý Hiền	NXB Văn hoá TT	2014
10	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam,	NXB CTQG, Hà Nội	2006
11	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	NXB GD	1998

12	Tâm lý học	Psychology	David G. Myers	Worth Publishers	2015
13	Nhập môn giao tiếp	Business Communication: Process and Product	Mary Ellen Guffey	South-Western College Pub	2014
14	Nhân học đại cương	Giáo trình Nhân học đại cương	Khoa Nhân học, ĐH KHXH & NV	NXB ĐHQG TP.HCM	2016
15	Kỹ năng làm việc nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm	TS. Huỳnh Văn Sơn	NXB Trẻ	2014
16	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	Giáo trình quản trị văn phòng	GS. TS. Nguyễn Thành Độ (Chủ biên)	NXB ĐH KTQD	2012
17	Lý luận nhà nước và pháp luật	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	GS. TS. Hoàng Thị Kim Quế	NXB ĐHQG HN	2018
18	Luật doanh nghiệp	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003
19	Logic học	Logic học đại cương	TS. Nguyễn Như Hải	NXB GD	2015
20	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	Digital Transformation: Build Your Organization's Future for the Innovation Age	Lindsay Herbert	Bloomsbury Business	2017
21	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence for Business: What You Need to Know about Machine Learning and Neural Networks	Doug Rose	Chicago Lakeshore Press	2018
22	Kinh tế số	The Oxford Handbook of the Digital Economy	Peitz, M., & Waldfogel, J.	Oxford University Press	2012
23	Kinh tế học vi mô 1	Microeconomics	David Begg, Stanley Fischer	Statistics Publisher	2013
24	Kinh tế học vĩ mô 1	Macroeconomics	Gregory Mankiw	Statistics Publisher	2013
25	Quản trị học căn bản	Fundamentals of Management: Management Myths Debunked.	Robbins S.P., Coouler M. & Decenzo D.A	Pearson Education	2017

26	Toán cao cấp	Mathematics for Economics and Business, 9th edition.	Ian Jacques	Pearson Education Limited	2018
27	Lý thuyết xác suất & Thống kê ứng dụng	Statistics for Business and Economics: 11th ed	Anderson, Sweeney & Williams	South-Western Cengage Learning	2010
28	Nguyên lý kế toán	Fundamentals of accounting principles	John J. Wild, Kermit D Larson, Barbara Chiappetta	McGraw Hill	2015
29	Nguyên lý thị trường tài chính	Economics of Money, Banking and Financial Markets", 11th ed	Frederic S. Mishkin	Pearson	2014
30	Nguyên lý Marketing	Principle of Marketing: 17th ed	Kotler P. & Armstrong	Pearson	2019
31	Hệ thống thông tin kinh doanh	Integrated Business Processes with ERP	Simha R. Magal	Wiley	2011
32	Kinh tế quốc tế	International Economics: Theory and Policy, 11th ed	Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld	Pearson	2018
33	Kinh tế lượng	Essentials of Econometrics: 4th ed	Gujarati	McGraw Hill	2010
34	Phân tích dữ liệu trong kinh tế	Business Analytics: Methods, Models and Decisions, 2nd ed	James R. Evans	Pearson	2014
35	Lập & Thẩm định DADT	Cost-Benefit Analysis for Investment Decisions	Jenkins, Glenn & Harberger, Arnold	Havard Institute for International Development	2019
36	Luật thương mại QT	International Trade Law	Indira Carr	Routledge	2018
37	Marketing quốc tế	International Marketing, 15th ed	Philip R. Cateora	McGraw Hill	2019
38	Chính sách tài chính quốc tế	International Economics: Theory and Policy	Krugman, Obstfeld and Melitz	Addison-Wesley Publishers	2015
39	Kinh doanh quốc tế	International Business: Competing in the Global Marketplace, 8 th Ed	Charles W. L. Hill	McGraw Hill	2011

40	Quản trị tài chính công ty ĐQG	International Financial management	Cheol Eun, Bruce G. Resnick	McGraw-Hill	2014
41	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	International Cargo Insurance	John Dunt	Routledge	2012
42	Thanh toán quốc tế	International Payments, 4th ed	Edward G. Hinkelman	World Trade Press	2003
43	Logistics	International Logistics: The Management of International Trade Operations	Pierre A. David	Cicero Books LLC	2013
44	Đàm phán kinh doanh quốc tế	Negotiation, 7th ed	Roy Lewicki and David Saunders and Bruce Barry	McGraw Hill	2015
45	Quản trị xuất nhập khẩu	Import/Export: How to Take Your Business Across Borders, 4th ed	Carl A. Nelson	McGraw-Hill	2008
46	Phương pháp nghiên cứu KH	Understanding Research Methods, 10th ed	Mildred L. Patten	Routledge	2017
47	Thương Mại Điện Tử	E-Commerce	Kenneth C. Laudon	Pearson	2016
48	Giao dịch thương mại quốc tế	What You Need to Know to Go Global: A Guide to International Trade Transactions	Stephen Creskoff	Archway Publishing	2016
49	Kỹ năng học thuật	Essential Study and Employment Skills for Business and Management Students	Gallagher	Oxford University Press	2016
50	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law, 5th ed	Tanya Aplin, Jennifer Davis	Oxford University Press	2021
51	Quản trị chuỗi cung ứng	Essentials of Supply Chain Management, 4th ed	Michael H. Hugos	Wiley	2018
52	Khởi nghiệp	Entrepreneurship, 10th ed	Kuratko	Cengage Learning	2017
53	Đầu tư quốc tế	International Finance: An Analytical Approach	Moosa, I. A.	McGraw Hill	2010
54	Quản trị mua hàng toàn cầu	Global Procurement & Sourcing	Victor H. Pooler	McGraw Hill	2013

18. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ thống đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào các mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).
- Chương trình được xây dựng dựa trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.
- Các môn được thực hiện giảng dạy theo thứ tự đã phân bố từng học kỳ, theo yêu cầu môn tiên quyết, môn học trước, môn học sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.
- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.
- Chương trình đào tạo sẽ được thường xuyên điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

TRƯỞNG KHOA

TS. HUỲNH THỊ THUÝ GIANG

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

